

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường
thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh
trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15;

Căn cứ Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

Căn cứ Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 được sửa đổi tại điểm c khoản 30 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2026 của

Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;

Căn cứ Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 08/2026/TT-BNNMT ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT ngày 27 tháng 5 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn quy trình, phương pháp rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 5888/TTr-SNNMT ngày 18 tháng 8 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lai Châu thực hiện 12 nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh Lai Châu, gồm:

1. Phê duyệt phương án cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước đối với các nguồn nước khác theo quy định tại Mục 2 Điều 29 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024.

2. Phê duyệt điều chỉnh đưa hồ, ao, đầm, phá ra khỏi Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 58 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 được sửa đổi tại điểm c khoản 30 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước.

3. Phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy lợi theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 7 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

4. Phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

5. Phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đối với hồ chứa thủy lợi theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều 26 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

6. Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi liên quan đến từ 02 đơn vị cấp xã trở lên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 19 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

7. Ban hành Danh mục nghề, ngư cụ cấm sử dụng khai thác thủy sản quy định tại khoản 2 Điều 14 Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

8. Phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2021-2025) quy định tại các điểm a, c khoản 6 Điều 4 Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026 - 2030; điểm b khoản 3 Điều 9 Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT ngày 27 tháng 5 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn quy trình, phương pháp rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030.

9. Ban hành Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm trên địa bàn tỉnh (chuẩn nghèo giai đoạn 2026-2030) quy định tại điểm a khoản 3 Điều 9 Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT ngày 27 tháng 5 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn quy trình, phương pháp rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030.

10. Quyết định công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống quy định tại Điều 6, khoản 3 Điều 23 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.

11. Xác định, phê duyệt các ngành hàng, sản phẩm quan trọng cần khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ thực hiện liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm và thông báo công khai trên địa bàn tỉnh quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

12. Tiếp nhận đăng ký môi trường quy định tại điểm a khoản 3 mục VII phần A Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục

hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 2. Thời hạn ủy quyền

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực thi hành đến hết ngày 28 tháng 02 năm 2027; trừ trường hợp các quy định của pháp luật có liên quan đến nội dung ủy quyền được cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

Điều 3. Trách nhiệm của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường

1. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được ủy quyền tại Điều 1 của Quyết định này theo đúng quy định của pháp luật, bảo đảm đúng phạm vi, nội dung, trình tự, thủ tục và thời hạn thực hiện nhiệm vụ được ủy quyền; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện các nhiệm vụ được ủy quyền.

2. Theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ được ủy quyền; kịp thời chấn chỉnh, xử lý hoặc tham mưu xử lý những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện; chỉ đạo các phòng, đơn vị thuộc Sở thực hiện việc thống kê, lưu trữ hồ sơ, tài liệu và cập nhật đầy đủ kết quả thực hiện các nhiệm vụ được ủy quyền.

3. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ 06 tháng và hằng năm về tình hình, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được ủy quyền tại Điều 1 của Quyết định này, gửi Ủy ban nhân dân tỉnh; báo cáo đột xuất khi có yêu cầu hoặc khi phát sinh vấn đề khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền. Trường hợp có quy định mới của pháp luật làm thay đổi thẩm quyền, nội dung nhiệm vụ được ủy quyền, kịp thời rà soát, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, điều chỉnh cho phù hợp.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
 - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
 - Thường trực Tỉnh ủy;
 - Thường trực HĐND tỉnh;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - VP UBND tỉnh: V, C, HCC;
 - Trung tâm Thông tin và Hội nghị;
 - Lưu: VT, KTN.
- } (Báo cáo)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hà Trọng Hải